

Số: 15/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học,
công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 145/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 888/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 66/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, như sau:

a) Mức chi tiền thù lao

Đơn vị tính: đồng/1 người/1 phiếu nhận xét

Mục	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài		

Mục	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.440.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.200.000
	Thư ký khoa học		240.000
	Thư ký hành chính		240.000
	Đại biểu được mời tham dự		160.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		560.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		800.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		560.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		400.000
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.200.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		800.000
	Thư ký khoa học		240.000
	Thư ký hành chính		240.000

Mục	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Đại biểu được mời tham dự		160.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		400.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		560.000
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	01 nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng		1.440.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200.000
	Thư ký khoa học		240.000
	Thư ký hành chính		240.000
	Đại biểu được mời tham dự		160.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		560.000
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		800.000
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và
	Chủ tịch Hội đồng	Công	

Mục	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại
	Thư ký khoa học	Công	Thông tư số 7/2026/TT-BNV quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu
	Thư ký hành chính	Công	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		800.000
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia	Chuyên gia	1.200.000

b) Chi thù lao Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: mức chi bằng 150% mức chi được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu cần): mức chi theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV.

c) Chi thù lao của các Hội đồng khác: mức chi bằng 100% mức chi được quy định tại mục 1 điểm a khoản 1 Điều này.

d) Các nội dung chi khác (thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: đồng

Mục	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
a	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800.000
b	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560.000

c	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	240.000
d	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160.000

3. Mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở theo điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 bằng 60% định mức chi tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Mức chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi chế độ công tác phí: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Mức chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này;

c) Mức chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo được áp dụng bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 1 và mục 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có): mức chi theo Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

6. Chi thù lao Ban Chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại mục 3 điểm a khoản 1 Điều này.

7. Chi thù lao Hội đồng đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch: mức chi theo quy định tại mục 4 điểm a khoản 1 Điều này.

8. Chi tổ chức xây dựng chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 7/2026/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND, Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND, Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Các nội dung, mức chi liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đơn vị tính: đồng

Mục	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
a	Khoán tiền phương tiện đi lại hỗ trợ hoạt động chuyên môn của thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ; công chức các cơ quan có liên quan đến công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Tháng/người	500.000
b	Chi hậu cần phục vụ các cuộc họp có liên quan (tối đa không quá 02 người/cuộc)	Người/cuộc	50.000

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
2. Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

6. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 73 Luật số 93/2025/QH15 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ, tiếp nhận đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật số 93/2025/QH15 thì cơ quan có thẩm quyền được tiếp tục áp dụng nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND, UBND tỉnh các xã, phường;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Ngô Chí Cường